

Bản án số: 05/2024/HNGĐ – ST
Ngày 30- 01- 2024
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Hòa**

Ông **Lê Xuân Sơn**

- Thư ký phiên toà: Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Y**, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Th, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Mạnh T** (Tức Nguyễn Văn T), sinh năm 1990; Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Nơi ĐKKHTT: Tổ dân phố số 5, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Suối Hai - Bộ Công An.

Địa chỉ: Xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản khai tiếp theo của các bên đương sự tại Toà án, vụ án có nội dung như sau:

Chị **Bùi Thị Y** và anh **Nguyễn Mạnh T** có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P ngày 27/3/2013. Sau khi kết hôn, chị Y về chung sống cùng gia đình anh T tại Tổ dân phố số 5, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị Y trình bày thì: Chị và anh T chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do vợ chồng trái ngược tính cách, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh T mãi sa đà chơi bời, không chịu tu chí làm ăn nên ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau, nhiều lần anh T đánh chị. Bố mẹ chồng có biết việc vợ chồng chị mâu thuẫn và khuyên giải nhưng không thay đổi được tình hình. Từ đầu năm 2015, do xác định không thể chung sống cùng anh T nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sống tại xóm Th, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Chị và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Huyền D, sinh ngày 11/3/2013. Cháu D đang ở cùng ông bà nội tại Tổ dân phố số 5, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu D và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Suối Hai. Hiện nay chị đang bán hàng online tại nhà bố mẹ chị ở tỉnh Hòa Bình. Thu nhập trung bình mỗi tháng của chị khoảng 10.000.000đ - 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Không có.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 10/01/2024, anh Nguyễn Mạnh T trình bày: Trước đây anh tên là Nguyễn Văn T nhưng đến khoảng năm 2017 thì anh làm thủ tục đính chính tên đệm của anh đổi thành Nguyễn Mạnh T.

Anh và chị Bùi Thị Y có thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào năm 2012 (thời gian cụ thể thì anh không nhớ). Sau khi kết hôn, chị Y về chung sống cùng gia đình anh tại Tổ dân phố số 5, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội. Anh và chị Y chỉ chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng trái ngược tính cách, bất đồng quan điểm sống, lối sống. Anh và chị Y thường xuyên xảy ra cãi nói, đánh đập nhau. Từ khoảng năm 2016 đến nay, anh và chị Y sống ly thân. Vợ chồng không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Y không còn, chị Y xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Y có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Huyền D, sinh ngày 11/3/2013. Hiện cháu đang sống cùng bố mẹ anh T tại Tổ dân phố số 5, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội. Do anh đi chấp hành án phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Trại giam Suối Hai - Bộ Công an đến tháng 02/2025 mới hết thời gian thi hành án nên khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Không có.

Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu của mình. Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng pháp

luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX xử cho chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huyền D, sinh ngày 11/3/2013 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do chị Y không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Y. Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh T có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố số 5, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Y và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn do tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P ngày 27/3/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, chị Y và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Y và anh T cùng xác nhận là do vợ chồng trái ngược tính cách, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau, đánh đập nhau. Từ năm 2016 đến nay, chị Y và anh T sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Y xin ly hôn anh T đồng ý.

HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị Y có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Huyền D, sinh ngày 11/3/2013. Khi ly hôn, chị Y đề nghị được nuôi cháu D và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý giao cháu D cho chị Y nuôi khi vợ chồng

anh ly hôn vì hiện nay anh đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Suối Hai đến tháng 02/2025 mới hết thời gian chấp hành án.

Xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của chị Y là chính đáng và chị Y có đủ điều kiện về chỗ ở, thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con. Anh T đang chấp hành án phạt tù, không đủ điều kiện nuôi con nên anh cũng đồng ý giao con cho chị Y nuôi. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cháu D cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do chị Y không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi chị Y có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Y và anh T đều xác định không có nên không đề cập xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

- + Chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.
- + Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huyền D, sinh ngày 11/3/2013 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi chị Y có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- + Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Y và anh T đều xác định không có.
- + Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013069 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.
- + Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Bùi Thị Y và anh Nguyễn Mạnh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND thị trấn P (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA